

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Trụ sở chính: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại: (08) 37505555 – ext: 172

Fax: (08) 37505577

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Phương Nga

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902468844

Fax: (08) 37505577

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Quý 1 năm 2017;
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2017 tại đường dẫn <http://www.thienlonggroup.com/quan-he-co-dong> của công ty

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRẦN PHƯƠNG NGÀ



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2017

Ngày 31 tháng 03 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 30

34
NG
Ổ P
IAP
HI
HTI

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 1 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã TLG theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Trưởng ban
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên

331
TY
HÀ
ĐỒ
N
IN-T

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hướng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Phương Nga	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cô Gia Thọ.

THIÊN LONG
PHỔ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2017	31/12/2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.003.756.113.819	1.025.111.080.529
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	383.939.114.939	424.423.331.022
111	1. Tiền		147.939.114.939	123.423.331.022
112	2. Các khoản tương đương tiền		236.000.000.000	301.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		167.227.232.281	122.515.004.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	143.337.567.624	99.079.216.936
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	20.480.970.474	18.774.948.627
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	4.183.653.869	5.550.973.630
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(774.959.686)	(890.134.313)
140	III. Hàng tồn kho	7	434.796.725.180	460.697.931.983
141	1. Hàng tồn kho		452.776.885.267	478.811.442.319
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.980.160.087)	(18.113.510.336)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		17.793.041.419	17.474.812.644
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	12.977.665.279	8.251.259.433
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.056.988.316	7.470.492.991
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.758.387.824	1.753.060.220
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		358.365.996.001	359.201.386.196
210	I. Phải thu dài hạn		2.053.678.352	2.053.755.852
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2.053.678.352	2.053.755.852
220	II. Tài sản cố định		286.511.041.890	289.918.854.187
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	198.849.431.306	200.871.576.769
222	Nguyên giá		540.161.629.842	532.701.823.372
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(341.312.198.536)	(331.830.246.603)
227	2. Tài sản vô hình	10	87.661.610.584	89.047.277.418
228	Nguyên giá		112.648.407.893	112.648.407.893
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.986.797.309)	(23.601.130.475)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.540.373.027	8.309.739.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.540.373.027	8.309.739.078
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	19.835.883.107	19.835.883.107
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.685.000.000	30.685.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(10.849.116.893)	(10.849.116.893)
260	V. Tài sản dài hạn khác		40.425.019.625	39.083.153.972
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	15.502.900.893	14.861.839.365
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	24.922.118.732	24.221.314.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.362.122.109.820	1.384.312.466.725





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

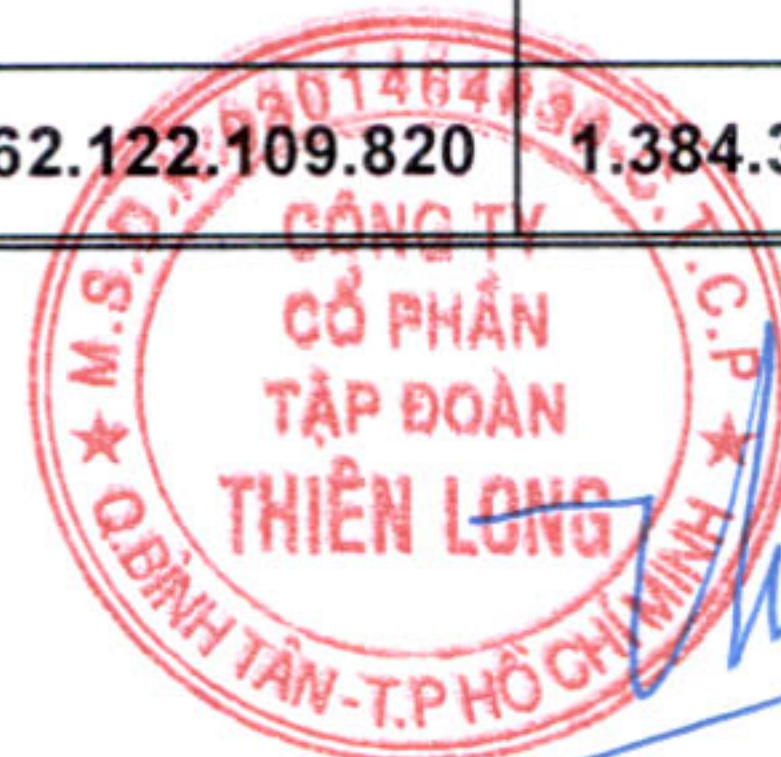
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2017	31/12/2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		396.849.044.393	460.086.007.616
310	I. Nợ ngắn hạn		352.214.880.764	413.093.993.826
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		92.608.805.048	131.879.671.529
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.928.159.400	7.660.650.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	21.658.763.016	11.734.745.719
314	4. Phải trả người lao động		14.143.552.228	14.449.860.321
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	27.837.919.077	53.220.112.617
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.925.933.475	4.386.022.605
320	7. Vay ngắn hạn	16	184.255.343.078	171.584.405.449
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.856.405.442	18.178.525.323
330	II. Nợ dài hạn		44.634.163.629	46.992.013.790
337	1. Phải trả dài hạn khác		190.000.000	141.717.970
338	2. Vay dài hạn	16	19.149.397.837	20.808.564.711
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	17	25.294.765.792	26.041.731.109
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		965.273.065.427	924.226.459.109
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	965.273.065.427	924.226.459.109
411	1. Vốn cổ phần		383.126.720.000	383.126.720.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		383.126.720.000	383.126.720.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	128.217.023.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		97.075.895.498	97.075.895.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		356.853.426.929	315.806.820.611
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		303.413.025.492	153.617.482.353
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		53.440.401.437	162.189.338.258
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.362.122.109.820	1.384.312.466.725


Bùi Thị Cẩm Loan
Người lập


Trần Phương Nga
Kế toán trưởng


Cô Gia Thọ
Chủ tịch





Ngày 20 tháng 4 năm 2017


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	539.239.678.684	431.655.086.351
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(2.774.341.490)	(2.745.785.129)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	536.465.337.194	428.909.301.222
11	4. Giá vốn hàng bán		(338.837.164.243)	(259.226.172.090)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		197.628.172.951	169.683.129.132
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.933.114.931	3.967.638.307
22	7. Chi phí tài chính	21	(3.198.839.055)	(4.746.304.418)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.486.248.795)	(3.207.416.852)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(79.730.921.905)	(61.329.000.775)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(53.714.482.485)	(46.806.043.137)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64.917.044.437	60.769.419.109
31	11. Thu nhập khác	23	4.490.297.892	1.862.174.222
32	12. Chi phí khác	23	(422.237.241)	(2.270.793.774)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	4.068.060.651	(408.619.552)
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		68.985.105.088	60.360.799.557
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(15.245.607.776)	(13.227.870.582)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.1	700.804.125	1.197.652.996
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		54.440.301.437	48.330.581.971
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		54.440.301.437	48.330.581.971
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	1.279	1.135
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	1.279	1.135


Bùi Thị Cẩm Loan
Người lập


Trần Phương Nga
Kế toán trưởng


Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

M.S.D.N.



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		68.985.105.088	60.360.799.557
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		12.152.000.701	9.835.576.940
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(248.524.876)	1.682.765.987
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.153.061.670)	(3.490.203.515)
06	Chi phí lãi vay	21	2.486.248.795	3.207.416.852
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		79.221.768.038	71.596.355.821
09	Tăng các khoản phải thu		(40.924.646.340)	(26.513.367.251)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		26.034.557.052	4.812.016.853
11	Giảm các khoản phải trả		(64.727.013.048)	(16.478.350.760)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(5.367.467.374)	1.554.077.391
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.402.813.135)	(3.274.983.041)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.451.972.550)	(9.026.171.892)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.592.478.000)	(11.519.444.100)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		(46.210.065.357)	11.150.133.021
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.263.102.095)	(61.952.074.275)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.109.090.910	987.597.370
27	Tiền lãi và cổ tức được chia		3.906.443.579	3.481.399.223
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.247.567.606)	(57.483.077.682)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		149.230.265.331	123.324.627.700
34	Tiền trả nợ gốc vay		(138.218.494.576)	(153.324.795.654)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.2	(38.353.875)	(29.466.476.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		10.973.416.880	(59.466.644.454)

030
Q.BH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(40.484.216.083)	(105.799.589.115)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		424.423.331.022	426.351.225.090
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	383.939.114.939	320.551.635.975



Bùi Thị Cẩm Loan
Người lập



Trần Phương Nga
Kế toán trưởng



Cô Gia Thọ
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

14
CƠ
CỔ
TẬP
TH
/HT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 1 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã TLG theo Quyết định số 20/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 5 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành (“TLLT”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006. TLLT có trụ sở chính đăng ký tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu (“TLGL”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGL có trụ sở chính đăng ký tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGL là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc (“TLN”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010. TLN có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 309 A, tầng 3 tòa nhà B15, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLN là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

14
10
PI
PI
EN
IN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam (“TLS”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLS có trụ sở chính đăng ký tại Số 19 – 21, Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung (“TLM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0401708745 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô 7 – Khu B1, Đường Hà Huy Tập, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính của TLM là kinh doanh văn phòng phẩm.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

33
T.V
ÁI
QĐ
L
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không được tính hao mòn khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất không được tính hao mòn khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản khác	3 năm

Định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vào ngày 6 tháng 2 năm 2007 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

14
CỔ ĐÔNG
TẬP ĐOÀN
THIÊN LONG
HT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

64
IG'
PH
P Đ
ÊN
IN-1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Tiền mặt	3.206.969.510	2.998.295.642
Tiền gửi ngân hàng	144.732.145.429	120.425.035.380
Các khoản tương đương tiền (*)	236.000.000.000	301.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>383.939.114.939</u>	<u>424.423.331.022</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

31
TẬP ĐOÀN
THIÊN LONG
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Phải thu các bên khác		
- Crayola LLC	7.844.689.196	7.283.298.565
- Khác	143.337.567.624	91.795.918.371
TỔNG CỘNG	143.337.567.624	99.079.216.936
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(774.959.686)	(890.134.313)
GIÁ TRỊ THUẦN	142.562.607.938	98.189.082.623

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã thế chấp các khoản phải thu để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Trả trước cho các bên khác		
- DOKUMENTAL GmbH & CO	4.390.587.671	1.644.113.615
- Fuya Company Limited	1.272.466.842	1.885.441.813
- SIS International Co., Ltd	275.890.050	3.745.626.323
- Công ty TNHH DKSH Việt Nam	-	2.958.689.401
- Khác	14.542.025.911	8.541.077.475
TỔNG CỘNG	20.480.970.474	18.774.948.627

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Ngắn hạn		
Tạm ứng nhân viên	2.400.331.591	1.972.280.459
Lãi tiền gửi ngân hàng	464.152.776	1.305.569.445
Ký quỹ, ký cược	308.584.766	623.580.752
Khác	1.010.584.736	1.649.542.974
	4.183.653.869	5.550.973.630
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	2.053.678.352	2.053.755.852
TỔNG CỘNG	6.237.332.221	7.604.729.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Nguyên vật liệu	176.080.497.773	170.671.063.119
Thành phẩm	159.004.614.599	167.631.102.808
Hàng hóa	59.581.196.905	67.687.162.023
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.402.100.838	43.650.355.281
Hàng mua đang đi trên đường	13.063.969.852	26.857.480.690
Công cụ, dụng cụ	1.644.505.300	2.314.278.398
TỔNG CỘNG	452.776.885.267	478.811.442.319
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.980.160.087)	(18.113.510.336)
GIÁ TRỊ THUẦN	434.796.725.180	460.697.931.983

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Số đầu kỳ	(18.113.510.336)	(26.935.996.433)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(11.605.880.607)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	133.350.249	20.428.366.704
Số cuối kỳ	(17.980.160.087)	(18.113.510.336)

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	7.936.825.380	5.272.184.485
Công cụ, dụng cụ	1.813.216.820	929.303.561
Bảo hiểm sức khỏe và tài sản	616.986.647	570.414.438
Chi phí thuê	251.463.866	166.537.445
Khác	2.359.172.566	1.312.819.504
	<u>12.977.665.279</u>	<u>8.251.259.433</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất (*)	11.803.796.701	11.886.148.771
Công cụ, dụng cụ	2.566.393.920	2.438.863.647
Khác	1.132.710.272	536.826.947
	<u>15.502.900.893</u>	<u>14.861.839.365</u>
TỔNG CỘNG	28.480.566.172	23.113.098.798

(*) Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất như được trình bày trong Thuyết minh số 3.8.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất thuê để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Vào ngày 31/12/2016	136.880.932.299	227.548.245.761	36.205.541.859	13.617.151.832	118.449.951.621	532.701.823.372
Mua trong kỳ	-	7.630.738.142	300.000.000	-	88.311.000	8.019.049.142
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	868.227.821	868.227.821
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.427.470.493)	-	-	(1.427.470.493)
Vào ngày 31/03/2017	<u>136.880.932.299</u>	<u>235.178.983.903</u>	<u>35.078.071.366</u>	<u>13.617.151.832</u>	<u>119.406.490.442</u>	<u>540.161.629.842</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>676.192.377</i>	<i>90.055.538.709</i>	<i>9.779.984.618</i>	<i>7.123.627.295</i>	<i>82.071.881.661</i>	<i>189.707.224.660</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31/12/2016	(47.099.299.408)	(153.888.596.040)	(18.057.860.783)	(10.823.523.522)	(101.960.966.850)	(331.830.246.603)
Khấu hao trong kỳ	(1.525.022.570)	(5.471.810.569)	(1.069.822.784)	(556.604.388)	(2.286.162.115)	(10.909.422.426)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.427.470.493	-	-	1.427.470.493
Vào ngày 31/03/2017	<u>(48.624.321.978)</u>	<u>(159.360.406.609)</u>	<u>(17.700.213.074)</u>	<u>(11.380.127.910)</u>	<u>(104.247.128.965)</u>	<u>(341.312.198.536)</u>
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31/12/2016	<u>89.781.632.891</u>	<u>73.659.649.721</u>	<u>18.147.681.076</u>	<u>2.793.628.310</u>	<u>16.488.984.771</u>	<u>200.871.576.769</u>
Vào ngày 31/03/2017	<u>88.256.610.321</u>	<u>75.818.577.294</u>	<u>17.377.858.292</u>	<u>2.237.023.922</u>	<u>15.159.361.477</u>	<u>198.849.431.306</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)</i>	<i>48.105.958.019</i>	<i>46.804.996.427</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.976.380.127</i>	<i>98.887.334.573</i>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	VND				
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31/12/2016	69.735.975.067	42.429.454.426	367.000.000	115.978.400	112.648.407.893
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2017	<u>69.735.975.067</u>	<u>42.429.454.426</u>	<u>367.000.000</u>	<u>115.978.400</u>	<u>112.648.407.893</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã hao mòn hết	-	5.664.381.233	367.000.000	115.978.400	6.147.359.633
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31/12/2016	(1.175.864.496)	(21.942.287.579)	(367.000.000)	(115.978.400)	(23.601.130.475)
Hao mòn trong kỳ	-	(1.385.666.834)	-	-	(1.385.666.834)
Vào ngày 31/03/2017	<u>(1.175.864.496)</u>	<u>(23.327.954.413)</u>	<u>(367.000.000)</u>	<u>(115.978.400)</u>	<u>(24.986.797.309)</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31/12/2016	<u>68.560.110.571</u>	<u>20.487.166.847</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.047.277.418</u>
Vào ngày 31/03/2017	<u>68.560.110.571</u>	<u>19.101.500.013</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>87.661.610.584</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	8.671.760.504	-	-	-	8.671.760.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Khuôn đang chế tạo	5.761.557.161	5.287.403.431
Thiết bị đang lắp đặt	2.906.463.887	2.889.281.102
Chi phí duy tu văn phòng	872.351.979	133.054.545
TỔNG CỘNG	9.540.373.027	8.309.739.078

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.685.000.000	30.685.000.000
Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn	(10.849.116.893)	(10.849.116.893)
ĐẦU TƯ THUẦN	19.835.883.107	19.835.883.107

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	31/03/2017		31/12/2016	
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	3.565.000.000	500.000	3.565.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	152.000	1.520.000.000	152.000	1.520.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	75.000	600.000.000	75.000	600.000.000
TỔNG CỘNG		30.685.000.000		30.685.000.000

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.820.469.004	15.245.607.776	(9.451.972.550)	14.614.104.230
Thuế thu nhập cá nhân	2.255.911.811	13.230.532.132	(14.624.373.603)	862.070.340
Thuế GTGT	612.608.052	21.063.540.533	(15.511.680.856)	6.164.467.729
Thuế nhập khẩu	23.048.266	3.811.482.017	(3.816.409.567)	18.120.716
Khác	22.708.586	-	(22.708.586)	-
TỔNG CỘNG	11.734.745.719	53.351.162.458	(43.427.145.161)	21.658.763.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Lương tháng 13, 14 và lương hiệu quả	14.232.998.685	48.910.534.813
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	6.501.312.000	438.169.291
Chi phí lãi vay	400.103.366	316.667.706
Chi phí bảo trì phần mềm SAP	-	1.377.071.993
Khác	6.703.505.026	2.177.668.814
TỔNG CỘNG	<u>27.837.919.077</u>	<u>53.220.112.617</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Kinh phí công đoàn	1.499.637.030	1.983.639.420
Cổ tức	42.344.100	80.697.975
Khác	2.383.952.345	2.321.685.210
TỔNG CỘNG	<u>3.925.933.475</u>	<u>4.386.022.605</u>

16. VAY

	VND	
	31/03/2017	31/12/2016
Ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	179.853.631.737	166.281.757.849
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	4.401.711.341	5.302.647.600
	<u>184.255.343.078</u>	<u>171.584.405.449</u>
Dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	19.149.397.837	20.808.564.711
TỔNG CỘNG	<u>203.404.740.915</u>	<u>192.392.970.160</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5.1, 7, 8, 9 và 10)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	59.145.608.129	-	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 8 năm 2017	5,20 – 6,00	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	56.224.365.130	-	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2017 đến ngày 28 tháng 9 năm 2017	5,00 – 5,20	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc
	7.605.818.830	-	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đến ngày 29 tháng 9 năm 2017	5,20	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	21.123.171.937	932.445	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 7 năm 2017	1,80 – 2,10	Khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà cửa và vật kiến trúc
	13.722.228.384	-	Từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 7 năm 2017	4,00 – 5,20	
	10.479.844.404	458.158	Từ ngày 16 tháng 6 năm 2017 đến ngày 19 tháng 7 năm 2017	2,00 – 2,20	Tín chấp
	2.855.691.631		Ngày 22 tháng 6 năm 2017	4,70	Tín chấp
Ngân hàng United Oversea Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.709.918.100	-	Ngày 13 tháng 4 năm 2017	5,25	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	2.861.454.802	127.118	Từ ngày 06 tháng 6 năm 2017 đến ngày 11 tháng 6 năm 2017	2,40	Tín chấp
	4.125.530.390		Từ ngày 08 tháng 8 năm 2017 đến ngày 24 tháng 8 năm 2017	5,30	Tín chấp
TỔNG CỘNG	179.853.631.737	1.517.721			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i> <i>(Thuyết minh số 8 và 9)</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	11.030.030.642	16 lần hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2015 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019	9,00	Máy móc và thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	12.521.078.536	Ngày 10 tháng 6 năm 2019	7,00	Máy móc và thiết bị
TỔNG CỘNG	<u>23.551.109.178</u>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.401.711.341</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>19.149.397.837</i>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay đáp ứng mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thôi việc phải trả như được trình bày trong Thuyết minh số 3.11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>					
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	294.714.640.000	128.217.023.000	78.290.097.498	320.421.728.974	821.643.489.472
Phát hành cổ phiếu	88.412.080.000	-	-	(88.412.080.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	48.330.581.971	48.330.581.971
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.864.703.621)	(9.864.703.621)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(825.000.000)	(825.000.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>78.290.097.498</u>	<u>269.650.527.324</u>	<u>859.284.367.822</u>
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	383.126.720.000	128.217.023.000	97.075.895.498	315.806.820.611	924.226.459.109
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	54.440.301.437	54.440.301.437
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.393.795.119)	(12.393.795.119)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(999.900.000)	(999.900.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>97.075.895.498</u>	<u>356.853.426.929</u>	<u>965.273.065.427</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/03/2017	31/12/2016
		VND
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ	383.126.720.000	294.714.640.000
Tăng trong kỳ	-	88.412.080.000
Số cuối kỳ	<u>383.126.720.000</u>	<u>383.126.720.000</u>
Cổ tức công bố		
Cổ tức thanh toán bằng tiền	-	(95.781.680.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(38.353.875)	(125.206.631.250)

18.3 Vốn cổ phần

	31/03/2017	31/12/2016
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	38.312.672
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	38.312.672

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lợi nhuận sau thuế (VND)	54.440.301.437	48.330.581.971
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(5.444.030.144)	(4.833.058.197)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	48.996.271.293	43.497.523.774
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	38.312.672	38.312.672
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.279	1.135

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Tổng doanh thu	539.239.678.684	431.655.086.351
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	387.220.150.779	331.175.042.024
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	152.019.527.905	100.480.044.327
Các khoản giảm trừ	(2.774.341.490)	(2.745.785.129)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thành phẩm bị trả lại</i>	(2.064.444.651)	(2.181.799.021)
<i>Hàng hóa bị trả lại</i>	(709.896.839)	(563.986.108)
Doanh thu thuần	536.465.337.194	428.909.301.222
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	385.155.706.128	328.993.243.003
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	151.309.631.066	99.916.058.219

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lãi tiền gửi	2.952.619.460	3.010.885.333
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	882.995.471	859.252.974
Cổ tức	97.500.000	97.500.000
TỔNG CỘNG	3.933.114.931	3.967.638.307

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lãi tiền vay	2.486.248.795	3.207.416.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	654.858.317	1.466.583.128
Khác	57.731.943	72.304.438
TỔNG CỘNG	3.198.839.055	4.746.304.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí bán hàng	79.730.921.905	61.329.000.775
- Chi phí nhân viên	47.845.320.947	40.225.773.868
- Chi phí tiếp thị	15.365.138.466	5.493.898.209
- Chi phí khấu hao và hao mòn	343.934.559	347.600.906
- Khác	16.176.527.933	15.261.727.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.714.482.485	46.806.043.137
- Chi phí nhân viên	38.265.412.280	33.064.926.033
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.453.993.912	7.221.591.820
- Chi phí khấu hao và hao mòn	4.301.318.430	3.573.964.313
- Khác	5.693.757.863	2.945.560.971
TỔNG CỘNG	<u>133.445.404.390</u>	<u>108.135.043.912</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Thu nhập khác	4.490.297.892	1.862.174.222
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.102.942.210	381.818.182
Nhận bồi thường do hàng hư hỏng	54.294.549	320.216.666
Khác	3.333.061.133	1.160.139.374
Chi phí khác	(422.237.241)	(2.270.793.774)
Khác	(422.237.241)	(2.270.793.774)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.068.060.651</u>	<u>(408.619.552)</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	262.055.840.920	198.373.299.306
Chi phí nhân công	134.734.397.482	112.218.646.722
Chi phí khấu hao và hao mòn	12.761.573.032	10.319.326.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	55.416.833.029	48.138.064.833
TỔNG CỘNG	<u>464.968.644.463</u>	<u>369.049.336.942</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
 TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%), ngoại trừ TLLT như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo, theo quy định hiện hành. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

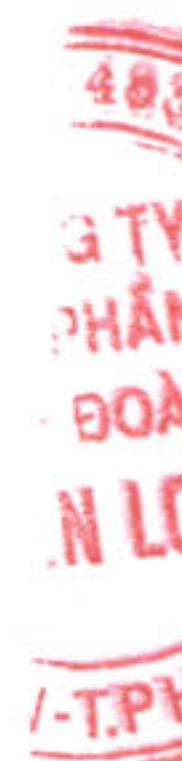
	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.392.543.808	12.822.124.728
Chi phí thuế TNDN trích thiếu trong kỳ trước	853.063.968	405.745.854
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(700.804.125)	(1.197.652.996)
TỔNG CỘNG	14.544.803.651	12.030.217.586

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>68.985.105.088</u>	<u>60.360.799.557</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	13.606.041.583	11.881.660.621
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	627.495.399	433.225.669
Lỗi từ các công ty con	542.202.963	62.851.458
Chi phí không được trừ	249.005.486	615.536.972
Cổ tức nhận được	(19.500.000)	(19.500.000)
Khoản lỗ tính thuế kỳ trước chuyển sang	(173.972.628)	(657.808.199)
Thuế TNDN được giảm	<u>(286.469.152)</u>	<u>(285.748.935)</u>
Chi phí thuế TNDN	14.544.803.651	12.030.217.586

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối		Báo cáo kết quả	
	kế toán hợp nhất		hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	31/03/2017	31/12/2016	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.727.840.180	12.804.410.971	(76.570.791)	1.901.475.069
Trợ cấp thôi việc phải trả	4.744.330.442	4.832.797.722	(88.467.280)	54.711.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.255.817.881	3.279.342.247	(23.524.366)	-
Chi phí phải trả	2.495.706.670	1.499.163.712	996.542.958	(397.676.795)
Dự phòng các khoản đầu tư	1.056.856.047	831.287.477	225.568.570	-
Chi phí phân bổ	631.813.494	971.030.994	(339.217.500)	(323.578.500)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.754.018	32.788.944	(23.034.926)	(23.579.600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(29.507.460)	29.507.460	(13.698.678)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.922.118.732	24.221.314.607		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			700.804.125	1.197.652.996

25.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ năm trước chuyển sang

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm năm liên tục kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính của các công ty con trị giá 21.264.141.797 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 19.422.990.119 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại
					ngày 31 tháng 03 năm 2017
2012	2017	1.326.912.915	(869.863.138)	-	457.049.777
2013	2018	346.827.435	-	-	346.827.435
2015	2020	11.919.906.250	-	-	11.919.906.250
2016	2021	5.829.343.519	-	-	5.829.343.519
2017	2022	2.711.014.816	-	-	2.711.014.816
TỔNG CỘNG		22.134.004.935	(869.863.138)	-	21.264.141.797

Lỗ thuế lũy kế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho giá trị lỗ thuế lũy kế còn lại trị giá 21.264.141.797 VND của các công ty con do chưa thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nghiệp vụ trọng yếu của Tập đoàn với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	-	46.366.060.000

Chi tiết tiền thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Thù lao và các chi phí liên quan	<u>999.900.000</u>	<u>825.000.000</u>





27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Quý 1 năm 2017	Quý 1 năm 2016
Đến 1 năm	11.774.442.813	8.182.093.716
Từ 1 đến 5 năm	<u>20.056.423.874</u>	<u>9.713.830.402</u>
TỔNG CỘNG	<u>31.830.866.687</u>	<u>17.895.924.118</u>

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

 _____ Bùi Thị Cẩm Loan Người lập	 _____ Trần Phương Nga Kế toán trưởng	  _____ Cô Gia Thọ Chủ tịch
---	--	---

Ngày 20 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN LONG

-----*****-----

Số: 38.1f./CV-TLG

V/v: Giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý 1 năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

-----*****-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long (Mã TLG) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh báo cáo hợp nhất quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế TNDN quý 1 năm 2017 đạt 54.440 triệu đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước là 6.109 triệu đồng, tương đương tăng 12,6%.

Nguyên nhân:

- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2017 đạt 536.465 triệu đồng, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí tài chính quý 1 năm 2017 giảm 1.547 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương giảm 32,6%.

Trên đây là những nguyên nhân chính đã giúp cho lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2017 trong báo cáo hợp nhất tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng kính chào!

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.



CÔ GIA THỌ